

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ LOGISTICS THÁI BÌNH DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ LOGISTICS THÁI BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI BINH DUONG LOGISTICS AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THAI BINH DUONG LOGISTICS IMPEX

2. Mã số doanh nghiệp: 0108732640

3. Ngày thành lập: 09/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu tái định cư thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
2.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
3.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
6.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất đường	1072
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Sản xuất chè	1076
13.	Sản xuất cà phê	1077
14.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
15.	Sản xuất sợi	1311
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
18.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
19.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
21.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

23.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
24.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất đồng hồ	2652
31.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
32.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
35.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
36.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
37.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
38.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
39.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
40.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
41.	Sản xuất nhạc cụ	3220
42.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
43.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
47.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Xây dựng nhà để ở	4101
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động của nhà đầu giá bán lẻ)	4541

59.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4543
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa	4610
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
63.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4719
72.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4721
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4722
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4723
75.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4741
76.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4742
77.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4751
78.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4753
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4761
80.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4762
81.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4764

82.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4771
83.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4774
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4781
85.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4782
86.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4783
87.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4785
88.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
89.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
90.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
91.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
92.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4763
93.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
94.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
95.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
96.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
97.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
98.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
99.	Bốc xếp hàng hóa	5224
100.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
102.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
103.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
104.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
105.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn Pháp luật và tư vấn tài chính)	7020

106.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động Nhà nước cấm)	7320
107.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
108.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
109.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
110.	Cho thuê xe có động cơ	7710
111.	Đại lý du lịch	7911
112.	Điều hành tua du lịch	7912
113.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
114.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
115.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
116.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 – Luật thương mại số 36/2005/QH11)	8299(Chính)
118.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
119.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
120.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
121.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
122.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
123.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
124.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
125.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
126.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
127.	In ấn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện điều 11, điều 12, điều 14 Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 19/06/2014 quy định về hoạt động in của Chính phủ)	1811
128.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Đào tạo kỹ năng mềm; - Đào tạo kỹ năng sống; - Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.	8559

129.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
130.	Chăn nuôi gia cầm	0146
131.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG LONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089022080

Ngày cấp: 19/06/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu tái định cư thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089022080

Ngày cấp: 19/06/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu tái định cư thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội